

STRASBOURG
(CAPITALE DES DROITS DE L'HOMME)

THU DO CUA LUAT NHAN QUYEN

Nếu cho rằng những quyền căn bản của mình bị nền công lý trong nước coi thường, Pháp Đình Âu châu có thể cung ứng cho bạn một phương chức thỉnh cầu tối thượng.

Si vous estimez que vos droits fondamentaux ont été bafoués par la justice de votre pays, la Cour européenne vous offre un suprême recours.

Par Paul Martin

Vào đêm 14 tháng 12 năm 1977, một cô gái mắc bệnh tâm thần người Hòa Lan bị hãm hiếp ngay tại bệnh viện, nơi cô đang được điều trị. Vì không thể tự mình nộp đơn khởi tố chống kẻ phạm pháp trước cơ quan cảnh sát, cô được thân phụ thay thế để làm công việc này. Trước đêm bị hãm hiếp, cô gái vừa tròn 16 tuổi, vừa đúng tuổi kết hôn theo luật Hòa Lan. Mặc dù tội phạm đã hiển nhiên, ông Biện Lý quyết định không thiết lập hồ sơ truy tố kẻ phạm pháp, bởi vì theo luật pháp Hòa Lan, chỉ cô gái mới có năng lực luật định khởi tố kẻ phạm pháp. Vì vậy, thân phụ cô gái đã kháng cáo nội vụ lên tòa trên và lần này đến lượt tòa kháng cáo bác đơn với cùng lý do như trước. Đến đây thì luật pháp của nước Hòa Lan không còn cho phép thân phụ cô gái thượng tố nội vụ lên Tòa án tối cao được nữa, nên vào ngày 10 tháng 01 năm 1980, ông đã đệ đơn lên Tòa án nhân quyền Âu châu, trụ sở ở Strasbourg, để xin giải quyết.

Là cơ quan bảo vệ Công ước nhân quyền Âu châu, Tòa án nhân quyền Strasbourg dành cho mọi cá nhân quyền kháng cáo lên Ủy Hội Âu châu (1) (Conseil de l'Europe) nếu có cá nhân nào cho rằng những nhân quyền căn bản của mình bị thờ ơ, bị coi thường hay bị vi phạm. Vì vậy, người cha của cô gái đã đệ đơn kiện chính phủ Hòa Lan trước tòa án nhân quyền, và theo lời ông kể, đã *từ chối đưa kẻ phạm pháp ra trước tòa xét xử, vi phạm vào quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư của con gái ông* (2) (Le père porta donc plainte contre l'Etat néerlandais pour avoir, disait-il, *refusé de traduire le criminel en justice et violé ainsi le droit de sa fille au respect de sa vie privée*)

Sau hai năm điều tra, đơn khiếu tố của thân phụ cô gái được chấp thuận, kết cuộc đến tháng Ba năm 1985, Tòa án nhân quyền Strasbourg đã tuyên phán rằng Chính Phủ Hòa Lan quả đã *vi phạm vào một điều khoản của Công ước (3), phải trả cho nạn nhân một số tiền bồi thường là 3.000 florins (la Cour décida que l'Etat néerlandais, ayant violé un article de la Convention, devait verser à la victime une indemnité de 3.000 florins)*. Như vậy, nếu một trường hợp tương tự lại xảy ra trong tương lai tại Hòa Lan thì nội vụ sẽ được các tòa án Hòa Lan giải quyết, theo luật của Hòa Lan về tội hiếp dâm, được sửa đổi theo tinh thần của phán quyết nói trên.

Kể từ khi Tòa án nhân quyền được thành lập cách đây 33 năm, chưa một phán quyết nào của tòa bị các quốc gia thành viên ký kết Công Ước Nhân Quyền bài xích, vì e ngại bị tòa án trách cứ, mà theo lời ông M. Marcelmo Oreja người Tây Ban Nha, Tổng Thư Ký Ủy Hội Âu châu, những phán quyết của tòa có sức mạnh của một tập thể, mang dấu ấn truyền thống của nền dân chủ Âu châu.

Những thẩm quyền rộng rãi của Tòa được qui định trong 103 điều khoản của bản Công Ước do chính phủ của các quốc gia Tây Âu khởi thảo sau thế chiến II và được toàn thể các quốc gia thành viên của Ủy hội Âu châu phê chuẩn. Những điều khoản này bảo đảm những quyền căn bản cho mọi cá nhân như: quyền sống, tự do và an toàn, quyền được xét xử công bằng, quyền được tự do phát biểu quan điểm, tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo và tự do hội họp, quyền kết hôn và thành lập gia đình. “ Theo ông Gérard Wiarda, một Thẩm Phán danh tiếng người Hòa Lan, cựu chánh thẩm Tòa án nhân quyền, thì *Công Ước nhân quyền là thập giới của Tây Âu*.

(**La Convention des droits de l'homme est le décalogue de l'Europe de l'Ouest**). Chúng tôi chỉ là những người bảo vệ, những người chú giải bản Công Ước, một loại Hội Đồng Lập Hiến của Âu châu mà thôi”

Mỗi vị trong số 21 thẩm phán của tòa, tùy thuộc vào một trong số 21 quốc gia thành viên của Ủy hội Âu châu, được quốc gia mình đề cử và được Hội Đồng tư vấn bầu ra với một nhiệm kỳ 9 năm. Tòa chỉ coi là hợp lệ những đơn khiếu nại nào được cả 21 vị đại diện của các quốc gia, gọi là Ủy Hội nhân quyền Âu châu, chấp thuận trước khi mở cuộc điều tra.

Khi tòa ngưng nhóm, các thẩm phán và các thành viên của Ủy Ban trở về quê nhà, họ trở thành những luật sư, thẩm phán, cố vấn pháp luật hay giáo sư trường luật. Theo sự giải thích của bà Denise Bindstedler, quốc tịch Thụy sĩ, giáo sư luật quốc tế công pháp, một phụ nữ duy nhất hiện là thẩm phán của Tòa án nhân quyền, thì “mỗi thẩm phán đều hiểu biết tường tận luật pháp của nước mình; nhờ vậy mà những quyết định của chúng tôi được dựa trên những kinh nghiệm sống của một nền công lý đặc thù Âu châu.

Khi nhận được đơn khiếu nại, Ủy Ban mở cuộc điều tra. Bốn điều kiện tiên quyết sau đây phải hội đủ:

- . Người đứng đơn phải, hoặc là một quốc gia thành viên Cộng đồng, hoặc là nạn nhân;
- . Người đứng đơn phải nói rõ điều khoản nào trong Công ước nhân quyền đã bị vi phạm;
- . Người đứng đơn phải trải qua mọi thủ tục tố tụng trong nước;
- . Đơn khiếu nại không được để quá 6 tháng kể từ ngày thủ tục tố tụng cuối cùng kết thúc.

Nếu những điều kiện nêu trên hội đủ và nếu đơn được Ủy Ban chấp thuận, Ủy Ban sẽ mở cuộc điều tra chính thức, thu thập các bằng chứng viết và nghe lời trình bày của các nhân chứng. Kế đó Ủy Ban đề nghị áp dụng thủ tục hòa giải (điều đình) với chính phủ liên hệ và nếu thủ tục hòa giải thất bại, hồ sơ nội vụ sẽ được chuyển qua tòa án để giải quyết.

Người khiếu nại thường thuộc đủ mọi thành phần trong xã hội: từ những người bị tật nguyền, những người vô gia cư cho tới những người điều hành một xí nghiệp, kể cả những người bị nghi ngờ thuộc nhóm khủng bố, thành viên của đội binh đỏ của liên bang Đức (des individus soupçonnés d'être des terroristes membres de la Fraction armée rouge d'Allemagne fédérale) cũng được đứng đơn kiện trước Ủy Ban về điều kiện giam giữ họ. Những quyết định của tòa nhân quyền cũng có những dị biệt không kém. Từ những hình phạt thể hình (châtiments corporels) đối với bọn du đảng ở đảo Man, những vụ nghe lén điện thoại của Cảnh sát Anh Quốc, những vụ truat hữu đất đai để dùng trong công tác công chánh ở Thụy Điển hay những vụ giam giữ hành chánh bọn du thủ, du thực ở Bỉ... Có khi chỉ vì một đơn khởi tố của một người dân thường cũng ảnh hưởng đến cả một quốc gia. Đó là trường hợp xảy ra vào năm 1978, Manuel dos Santos Guincho đã đứng dân sự nguyên cáo trước một Tòa án ở Bồ đào Nha chống lại kẻ phải chịu trách nhiệm vì đã gây ra tai nạn trên đường bộ khiến ông bị hư mất một mắt. Theo lời kể của luật sư của ông, vụ việc này đã rõ ràng, đối phương không thể nào viện dẫn lý lẽ nào để chống lại bằng chứng của ông được. Tuy nhiên, đây mới chỉ là màn khởi đầu của một cơn ác mộng. Trong nhiều tháng trời, bị cáo không trả lời trát đòi ra hầu tòa của tòa án, các luật sư và nhân chứng của bị cáo cũng không có mặt vào ngày xử án khiến tòa phải đình lại vụ án hai lần nên nội vụ phải kéo dài thêm hai năm nữa. Đến năm 1982, tòa cho ông thắng kiện để kết thúc vụ án nhưng bản án lại không ấn định số tiền bồi thường thiệt hại và lãi xuất. Ông Guincho đành phải đưa nội vụ ra trước Tòa án nhân quyền Âu châu, cáo buộc rằng tòa án Bồ đào Nha đã *cự tuyệt công lý* (déni de justice)

Khi Ủy Ban mở cuộc điều tra nội vụ, cơ quan công lý của Bồ lại điều hành vụ án hết sức chậm chạp, y như tình trạng đã từng xảy ra trước đây khi quốc gia này quay trở lại thể chế dân chủ vào năm 1974. Bồ đào nha thiếu thẩm phán trầm trọng trong khi đó số lượng các vụ án lại tăng gấp đôi do gần 1 triệu người Bồ từ các cựu thuộc địa hồi hương vào những năm trước 1974. Ý thức được sự trách cứ của Strasbourg có thể xảy ra trước hình ảnh đó, Chính Phủ Bồ gấp rút sửa chữa khuyết điểm. Trước khi đưa ra phán quyết về vụ Guincho vào năm 1984, tình hình xử đoán trong nước đã được cải tiến đáng kể: con số thẩm phán vào lúc bấy giờ đã vượt quá một ngàn

người trong khi vào năm 1974 chỉ có 336; số nhân viên hành chánh tại các tòa án cũng tăng lên gấp đôi cho nên thời gian xử đoán dành cho các vụ kiện cũng giảm đi đáng kể.

Nhiều câu hỏi nóng bỏng lúc bấy giờ như vấn đề xã hội và chính trị được đặt ra ở Âu châu sau chiến tranh cũng được bàn cãi đến ở Strasbourg. Ngoài việc giải quyết những vụ kiện mà người đứng đơn là các cá nhân, Tòa án và Ủy Hội lại nhận được đơn khiếu nại của quốc gia này chống quốc gia khác vi phạm nhân quyền. Có tất cả 18 đơn thưa thuộc loại này nhưng chỉ duy nhất có một vụ được Tòa thụ lý. Đó là vụ nước Cộng Hòa Ai Nhĩ Lan kiện Vương Quốc Anh.

Nhằm mục đích dẹp tan sự bạo hành xảy ra ở Bắc Ai Nhĩ Lan, chính phủ Anh, vào ngày 9 tháng Tám năm 1971, đã ban hành một văn kiện nói rõ rằng, trong trường hợp nghi ngờ có sự nguy hiểm nhãn tiền có thể xảy ra, mọi cá nhân bị nghi ngờ là thuộc nhóm khủng bố có thể bị bắt giam ngay. Điều này chủ ý nhắm vào đội quân Ai Nhĩ Lan, hàng trăm người đã bị bắt, mà đại đa số những người này theo đạo thiên chúa. Họ bị ngược đãi thậm tệ trong những trung tâm thẩm vấn. Đến tháng 12 năm 1971, Chính Phủ Ai Nhĩ Lan đệ đơn lên Strasbourg kiện nước Anh, đưa ra một danh sách dài những vi phạm nhân quyền, đặc biệt là việc “tra tấn” 14 người bị tình nghi thuộc nhóm khủng bố. Họ được để đứng trước một bức tường, đầu được trùm khăn kín mít, chịu đựng những âm thanh khủng khiếp, thiếu ngủ, thiếu ăn và thiếu nước uống.

Tháng 10 năm 1973, Ủy Ban mở cuộc điều tra về vấn đề này. Trong 18 tháng kế tiếp, những “Ủy viên đại diện” đã nghe lời khai của 113 nhân chứng, trong số này có rất nhiều người Anh, có người từng là Chỉ huy Trưởng đơn vị, những sĩ quan an ninh và tình báo... Họ được thẩm vấn ở căn cứ không quân Stavanger của nước Na Uy. Nhưng bằng chứng thu lượm được đựng đầy một hộp tủ đựng hồ sơ gồm 4.500 trang và một phúc trình gồm 563 trang trong đó kết luận rằng Vương quốc Anh phải trả lời về những sự kiện qui trách cho họ. Tòa án nhân quyền ra phán quyết vào tháng Giêng năm 1978, đó là ‘*một kiệt tác của án lệ*’ gồm 141 trang: những ‘*kỹ thuật*’ buộc tội, theo phán quyết, nếu không phải là một sự tra tấn thì ít ra cũng là “*một sự đối xử bất nhân làm mất nhân phẩm con người*”. Vào thời điểm này, Luân Đôn đã trả cho các nạn nhân một số tiền bồi thường là hơn 300.000 bảng Anh và viên Chương Lý của Vương quốc Anh đã bảo đảm với Ủy Ban là kỹ thuật buộc tội như thế đã được ngưng thi hành và sẽ không bao giờ còn tái diễn nữa.

Rất hiếm khi, Ủy Ban theo đuổi một cuộc thẩm vấn về một vụ kiện, được coi như đã kết thúc. Thế mà sau vụ nói trên, lại xảy ra vụ ba tên khủng bố ở Tây Đức, tên là Andreas Baader, Gudrun Ensslin và Jan-Carl Raspe. Cả ba được giam trong một nhà tù kiên cố Stammheim và đã tự tử trong phòng giam vào ngày 18 tháng 10 năm 1977. Chỉ trong khoảng một thời gian ngắn trước đó, cả ba đã nộp đơn cho Strasbourg để khiếu nại về điều kiện giam giữ họ và trong khi Ủy Ban đang xét xem có nên chấp thuận đơn của họ hay không, thì vụ tự tử của họ lại xảy ra..

Nhà cầm quyền Tây Đức cam đoan rằng đây chỉ là một vụ tự tử bình thường nhưng Ủy Ban lại cho rằng trường hợp này đáng được điều tra tại chỗ. Họ gửi một văn thư **mật** cho Bonn mà theo lẽ Bonn không cần trả lời nhưng Bonn đã không làm như vậy. Hai ngày sau khi vụ tự tử xảy ra, những “*ủy viên*” này đã có mặt trong phòng giam của những tên khủng bố đã chết để bắt tay vào việc tìm hiểu về điều kiện giam giữ những người này.. Đến tháng 7 năm 1978, Ủy Ban công bố những kết luận của họ. Bản công bố xác nhận rằng bản văn công bố trước đây của nhà cầm quyền Tây Đức về cái chết của 3 người này là hoàn toàn đúng sự thật.

Mặc dầu đã đạt được những thành quả tốt đẹp, Tòa án nhân quyền Âu châu không hẳn là không có khuyết điểm, đặc biệt là trong tiến trình giải quyết các vụ kiện đã kéo dài quá lâu. Khi tuyên bố tòa án Thụy sĩ có lỗi vì đã giải quyết một vụ kiện về trả tiền bồi thường và lãi xuất đến 3 năm 10 tháng mà không có lý do chính đáng thì tòa Strasbourg hẳn phải cảm thấy bối rối khi chính tòa nhân quyền cũng giải quyết một vụ kiện khác trong một thời gian là 3 năm 6 tháng! Lý do viện dẫn là số vụ được đưa ra tòa thụ lý không ngừng gia tăng! Hơn một nửa phán quyết của tòa đều là những vụ được giải quyết sau năm 1982. Chẳng hạn, từ năm 1981, nước Pháp cho phép công dân của mình được gửi thẳng đơn kháng cáo đến Strasbourg, Ủy Hội đã nhận được hơn 2.000 hồ sơ cá nhân như thế, trong số này có gần 400 hồ sơ được chấp nhận.

Nhiều sự cải cách đang được nghiên cứu. Hiện nay, cứ mỗi tháng tòa nhóm một tuần lễ còn Ủy Hội thì nhóm 5 lần mỗi năm, mỗi lần kéo dài 2 tuần lễ. Một giải pháp được đề ra là kết hợp Ủy Hội và Tòa án thành một tổ chức pháp lý duy nhất, hoạt động toàn thời gian. Kể từ khi cơ cấu hỗn hợp này được thành lập, Ủy Hội đã nhận được 12.000 đơn khiếu nại, trong số đó có 450 đơn được chấp nhận và còn khoảng 550 đơn còn đang cứu xét.

Dẫu cho công việc cải cách do các quốc gia ký kết Công Ước quyết định, Strasbourg vẫn tiếp tục chiếu rọi những ánh sáng hy vọng, không những xuống nền dân chủ Âu châu mà còn tới toàn thể thế giới tự do nữa. Tòa án Nhân Quyền Liên Mỹ (La cour interaméricaine des droits de l'homme) được thành lập vào năm 1979, đã áp dụng kiểu mẫu của Tòa án nhân quyền Âu châu. O Phi châu và A châu, một định chế tương tự cũng đang được nghiên cứu. (O Phi châu, Tòa án nhân quyền đã được thiết lập vào năm 2006, có tên là “**Cour africaine des droits de l'homme et des peuples**”) Hy vọng A châu cũng có một tòa nhân quyền tương tự vào một ngày không xa.

Mới đây, thành viên của tòa án và của Ủy Hội đã được xem một cuốn phim về sự vi phạm nhân quyền trên toàn thế giới.

Kết luận:

“Thế giới càng có nhiều Tòa án nhân quyền như ở Strasbourg bao nhiêu thì những thảm cảnh khủng khiếp đã thấy trong cuốn phim vi phạm nhân quyền trên thế giới càng giảm đi bấy nhiêu.”

X
X X

SUY NGHỊ VE VIỆC

- . **CONG TO VIEN HOA LAN KHONG TRUY TO KE PHAM PHAP ;**
- . **ĐIỀU LUẬT DO BEN NGUYEN ĐƠN VIÊN DAN C/ QUỐC GIA HOA LAN & THU TỤC ĐU LIEU TRONG BAN CÔNG ƯỚC NHÂN QUYỀN;**
- . **TOA AN NHÂN QUYỀN ĐA GIAI QUYẾT VỤ AN NHU THE NAO ?**

Trong bài viết trên, tác giả Paul Martin đã cho chúng ta biết một số vụ vi phạm nhân quyền xảy ra ở Âu châu vào thập niên 1970. Căn cứ theo lời tường thuật của tác giả, vụ cô gái Hòa Lan mắc bệnh tâm thần không những đã bị hãm hiếp, lại còn bị Công tố viện buộc phải *tự mình đứng đơn khởi tố* kẻ phạm pháp trước cơ quan cảnh sát, khiến người đọc phải ngạc nhiên. Tác giả viết:

1. Ông Biện lý Tòa sơ thẩm Hòa Lan không chịu thiết lập hồ sơ truy tố kẻ phạm pháp ra trước tòa để xét xử vì nạn nhân, vào lúc sự phạm pháp xảy ra, đã hội đủ 16 tuổi, mà theo luật pháp Hòa Lan thì chỉ nạn nhân mới có năng lực khởi tố, người cha không thể khởi tố thay con gái được. Khi nội vụ được đưa lên Tòa trên, đơn cũng lại bị bác với cùng lý do như trước. Vì luật pháp Hòa Lan không cho phép thượng tố vụ án lên Tòa tối cao, người cha cô gái đã đệ đơn kiện Quốc Gia Hòa Lan lên Tòa án Nhân Quyền Âu châu với lý do vi phạm vào ‘**quyền có đời sống riêng tư**’ của con gái ông.
2. Sau hai năm điều tra, đơn kháng cáo được chấp thuận, Tòa tuyên phán rằng Quốc Gia Hòa Lan đã vi phạm vào ‘**một điều khoản**’ (?) của Công Ước Nhân Quyền và truyền Quốc Gia Hòa Lan phải trả cho nạn nhân một số tiền bồi thường là 3.000 florins.
3. Như vậy, nếu có trường hợp tương tự lại xảy ra ở Hòa Lan trong tương lai thì nội vụ sẽ được giải quyết bởi các tòa án Hòa Lan về tội hiếp dâm theo luật pháp Hòa Lan, đã được sửa đổi chiếu theo tinh thần phán quyết (?) của Tòa án nhân quyền Strasbourg.

Sau đây là suy nghĩ của người viết về quyết định không truy tố kẻ phạm pháp của công tố viện tòa án Hoà Lan và việc giải quyết vụ án của Tòa nhân quyền Âu châu.

I. VE QUYẾT ĐỊNH KHÔNG TRUY TỐ KẺ PHẠM PHÁP CỦA CÔNG TỔ VIỆN TOA AN HOA LAN

Rất tiếc tác giả Paul Martin không cho người đọc biết rõ *nguyên văn điều luật qui định tội hiếp dâm của nước Hòa Lan* vào lúc sự phạm pháp xảy ra. Đây là điều khiếm khuyết quan trọng vì nếu điều luật được tác giả nêu lên trong bài viết thì có thể đã giúp người đọc hiểu rõ được ý định của nhà lập pháp Hòa Lan đối với vấn đề truy tố hay không truy tố can phạm của vụ án.

1. Theo suy nghĩ của người viết, Công tố viện Hòa Lan không thể buộc cô gái nạn nhân mắc bệnh tâm thần phải tự mình đứng ra khởi tố kẻ phạm pháp, nếu như điều luật chỉ nói một cách chung chung như sau: ‘*Trường hợp nạn nhân đã hội đủ 16 tuổi vào lúc sự phạm pháp xảy ra thì chỉ nạn nhân mới có quyền khởi tố can phạm trước cơ quan công tố*’.

Nạn nhân của vụ hiếp dâm có thể gồm hai loại:

- a). nạn nhân đủ 16 tuổi, thể chất và trí óc bình thường vào lúc sự phạm pháp xảy ra;
- b). nạn nhân đủ 16 tuổi, thể chất có thể bình thường nhưng trí óc **không** bình thường vào lúc sự phạm pháp xảy ra, và đây chính là trường hợp của cô gái.

2. Nếu ý muốn của nhà lập pháp là cả hai loại nạn nhân nói trên đều phải tự mình khởi tố các can phạm trước cơ quan cảnh sát thì điều luật phải viết như sau mới rõ ràng và hợp lý: “*Nếu nạn nhân đã hội đủ 16 tuổi vào lúc sự phạm pháp xảy ra thì chỉ nạn nhân mới có năng lực khởi tố can phạm trước cơ quan cảnh sát, bất kể thể chất và tinh thần của nạn nhân bình thường hay không bình thường.*”

3. Về hình luật, như mọi người đều biết, giữa một can phạm có trí óc bình thường và một can phạm có trí óc **không** bình thường, nếu cả hai cùng vi phạm một tội danh như nhau, thì **can phạm có trí óc không** bình thường có thể được miễn tội bởi vì người này đã *thực hiện tội phạm một cách vô ý thức* (to do an act with no criminal intention). Thế nhưng tại sao *khi trở thành nạn nhân* của một tội phạm, người này lại bị buộc phải thi hành những điều kiện được áp dụng cho *nạn nhân có trí óc bình thường*?

Theo thiên ý, khi dự thảo điều luật về tội hiếp dâm, *có thể nhà lập pháp chỉ nghĩ đến trường hợp của một nạn nhân có thể chất và trí óc bình thường chứ không nghĩ đến trường hợp của nạn nhân mắc bệnh tâm thần* và khi bản dự thảo luật được mang ra thảo luận tại Quốc Hội Hoà Lan thì Quốc Hội cũng không nghĩ đến trường hợp của nạn nhân thuộc loại thứ hai này, cho nên, điều luật mới được viết ra, thảo luận và biểu quyết như trường hợp 1 nêu trên.

Giả thử rằng, khi điều luật bắt đầu được viết ra và khi dự thảo luật sắp được thảo luận, người ta đem cả hai loại nạn nhân tới đứng trước mặt người viết dự thảo và Quốc Hội để cả hai thấy rõ tình trạng sức khoẻ của mỗi nạn nhân, thì thử hỏi liệu người viết và Quốc Hội có còn giữ nguyên văn từ của điều luật như trường hợp 1 nêu trên hay không? Người viết không tin như vậy..

Muốn biết Quốc Hội đã thảo luận những gì về dự thảo luật, phương thức hữu hiệu nhất là tìm hiểu ý định của nhà lập pháp qua Biên bản thảo luận tại Quốc Hội, trước khi bản dự thảo trở thành luật như ở trường hợp 1.

Có hai trường hợp xảy ra:

- a/ Nếu trong biên bản thảo luận, Quốc Hội **không đề cập** đến trường hợp của nạn nhân bị bệnh tâm thần thì ta có thể tin chắc rằng điều luật ghi tại điều 1 chỉ duy nhất nhắm vào các **nạn nhân đủ 16 tuổi, trí óc bình thường vào lúc tội phạm xảy ra mà thôi**. Như vậy, điều luật không thể đem ra áp dụng cho nạn nhân bị mắc bệnh tâm thần được. Công tố viện có thể chấp nhận để người cha của nạn nhân được thay thế con, khởi tố can phạm trước cơ quan cảnh sát.

b/ Nếu trong biên bản thảo luận, Quốc Hội ***có đề cập đến*** cả hai loại nạn nhân và *ghi rõ rằng cả hai loại nạn nhân đều phải tự mình đứng đơn khởi tố kẻ phạm pháp* thì lúc ấy Công tố viện Hòa Lan mới không thiết lập hồ sơ truy tố kẻ phạm pháp, và người cha cô gái mới phải đưa nội vụ ra trước tòa án nhân quyền Âu châu để giải quyết theo luật nhân quyền.

Chú thích : Để giải thích một điều luật tối nghĩa, các Thẩm Phán theo chế độ Dân Luật (Civil law) **có quyền** tham khảo Biên Bản thảo luận về điều luật này tại Quốc Hội để tìm hiểu ý định của nhà lập pháp, nhưng các Thẩm phán theo chế độ Phổ thông luật hay Tục lệ pháp (Common law) như ở Anh chẳng hạn, thẩm phán **không được quyền** làm như vậy. (As compared with their continental brethren and the European Court, English judges seem to have a narrower scope in the field of interpretation. The *Bosch* case is a good illustration. (13/61: Robert Bosch GmbH v. Kledingverhoopbedrijf de Geus en Uitdenbogerd (1962) ECR 95. [1962] CMRL I). Whilst our judges are not allowed to study the ‘*travaux préparatoires*’ that is the materials and debates in Parliament leading to the passing of legislation, in order to find out the mind of the legislature, the continent judges are allowed to do so and base their judgment on their study.

Lý do của sự dị biệt này sẽ được người viết bàn đến vào một dịp khác, khi so sánh hai chế độ Dân Luật và Tục lệ pháp.

II. TOA AN NHAN QUYEN STRASBOURG DA GIAI QUYET VU AN NHU THE NAO?

Để tìm hiểu xem tòa án Strasbourg đã giải quyết vụ án này như thế nào, ta cần hiểu rõ một số vấn đề sau đây:

- . **Công ước nhân quyền Âu châu**
 - . Đề mục của 18 điều khoản nhân quyền và 46 điều khoản nghị định thư;
 - . Các loại nhân quyền trong bản Công ước & Học lý về sự tương xứng;
- . **Tiêu chuẩn hợp lệ của một đơn khởi tố cá nhân đệ nạp tòa nhân quyền theo quy định ở các điều 34, 35, 37 và 45 của bản Công Ước.**
- . **Điều luật do nguyên đơn viện dẫn trong bản công ước để khởi tố Quốc Gia Hòa Lan trước Tòa nhân quyền: ‘Quyền có cuộc sống riêng tư’**
- . **Tòa án nhân quyền đã giải quyết đơn khởi tố của nguyên đơn như thế nào?**

A. CONG UOC NHAN QUYEN AU CHAU.

Cần phân biệt ‘**Công Ước nhân quyền Âu châu**’ (European Convention for the protection of Human Rights) với ‘**Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền**’ (Universal declaration of Human Rights). Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền năm 1948 là bản văn quốc tế về nhân quyền của Liên Hiệp Quốc gồm có **30** điều khoản được áp dụng chung cho các quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc. Công Ước Nhân Quyền Âu châu chỉ có **18** điều khoản về nhân quyền do Ủy Hội Âu châu soạn thảo, dựa trên bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền và được các Quốc Gia thành viên của Cộng Đồng Âu châu phê chuẩn năm 1950. Toàn bản Công Ước Nhân Quyền gồm cả thảy **103** điều khoản, chia ra như sau:

- . **18** điều về nhân quyền;
- . **32** điều về tổ chức Tòa án nhân quyền, bổ nhiệm thẩm phán, thụ lý hồ sơ, thủ tục xét xử...
- . **07** điều về linh tinh;
- . **46** điều về Nghị định thư;

1. Đề mục của 18 điều khoản nhân quyền (Ấn bản tháng 9/2003 của Tòa án nhân quyền)

Đối với đơn kiện của cá nhân hay nhóm cá nhân (applications from any person or group of individuals), Tòa án nhân quyền Âu châu (TANQAC) chỉ thụ lý những vi phạm nhân quyền nằm trong số 18 điều khoản này, hay của Nghị định thư mà thôi. Sau đây là đề mục của 18 điều khoản nhân quyền và 46 điều khoản của nghị định thư trong bản Công Ước:

- Điều 1.** Nghĩa vụ tôn trọng nhân quyền (obligation to respect Human Rights)
- Điều 2.** Quyền sống (Right to life)
- Điều 3.** Cấm tra tấn (Prohibition of torture)
- Điều 4.** Cấm nô lệ và cưỡng bách lao động (Prohibition of slavery and forced labour)
- Điều 5.** Quyền được tự do và an toàn (Right to liberty and security)
- Điều 6.** Quyền được xét xử công bằng (Right to a fair trial)
- Điều 7.** Vô luật bất thành tội (No punishment without law)
- Điều 8.** Quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư và gia đình (Right to respect for private and Family life)
- Điều 9.** Tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo (Freedom of thought, conscience and religion)
- Điều 10.** Tự do phát biểu quan điểm (Freedom of expression)
- Điều 11.** Tự do hội họp và lập hội (Freedom of assembly and association)
- Điều 12.** Tự do kết hôn (Right to marry)
- Điều 13.** Quyền được đòi đền bù hữu hiệu (Right to an effective remedy)
- Điều 14.** Cấm kỳ thị (Prohibition of discrimination)
- Điều 15.** Hoãn thi hành trong trường hợp khẩn cấp (Derogation in time of emergency)
- Điều 16.** Giới hạn ngoại kiều hoạt động chính trị (Restrictions on political activity of aliens)
- Điều 17.** Cấm lạm quyền (Prohibition of abuse of rights)
- Điều 18.** Hạn chế việc sử dụng các quyền bị giới hạn (Limitation on use of restriction on rights)

2. Đề mục của 6 Nghị Định thư (1, 4, 6, 7, 12, 13)

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> . Nghị Định thư 1 ký tại Paris 20/03/1952 gồm 6 điều khoản: . Nghị Định thư 4 ký tại Strasbourg 16/09/1963 gồm 7 điều khoản: . Nghị Định thư 6 ký tại Strasbourg 28/04/1983 gồm 9 điều khoản: . Nghị Định thư 7 ký Strasbourg 22/11/1984 gồm 10 điều khoản: . Nghị Định thư 12 ký tại Rome 4/11/2000 gồm 6 điều khoản . Nghị Định thư 13 ký tại Vilnius 3/05/2002 gồm 8 điều khoản. | <ul style="list-style-type: none"> Bảo vệ tài sản, quyền được hưởng sự giáo dục, bầu cử tự do. Cấm cầm tù vì thiếu nợ, tự do đi lại, cư trú, cấm trục xuất công dân, cấm trục xuất tập thể ngoại kiều Bãi bỏ hình phạt tử hình, hình phạt tử hình trong thời chiến. Thủ tục bảo vệ ngoại kiều, không ai bị trừng phạt 2 lần, bình đẳng giữa vợ chồng.. Cấm kỳ thị. Bãi bỏ hình phạt tử hình trong mọi trường hợp (bỏ tước nghị định thư số 6) |
|--|---|

3. Các loại nhân quyền trong bản Công ước và học lý về sự tương xứng.

a). Các loại nhân quyền

Các nhân quyền trong bản Công Ước có thể được chia làm 3 loại: *nhân quyền tuyệt đối* (absolute rights), *nhân quyền hạn chế* (limited rights) và *nhân quyền có điều kiện* (qualified rights).

. **Nhân quyền tuyệt đối.** Đó là những nhân quyền mà nhà cầm quyền **không thể can thiệp** vào được trong bất kỳ tình huống nào, tỷ như: *cấm tra tấn*, *đổi xử bất nhân làm hạ phẩm giá con người* (điều 3), *cấm nô lệ và cưỡng bách lao động* (điều 4) *hình phạt áp dụng cho tội phạm phải là hình phạt được dự liệu khi sự phạm pháp xảy ra* (điều 7).

. **Nhân quyền giới hạn.** Đó là những nhân quyền mà nhà cầm quyền **có thể can thiệp vào được** trong những trường hợp nhất định và sự giới hạn được ghi ra ngay trong điều 5 Thí dụ: *Quyền được tự do và an toàn* (điều 5).

. **Nhân quyền có điều kiện.** Gồm những nhân quyền như: *tôn trọng cuộc sống riêng tư và gia đình* (điều 8), *tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo* (điều 9) *tự do phát biểu quan điểm* (điều 10), *tự do hội họp và lập hội* (điều 11) *quyền được hưởng dụng yên ổn tài sản của mình* (nghị định thư 1, điều 1), *quyền được hưởng giáo dục* (Nghị định thư 1, điều 2).

Nhà cầm quyền **chỉ được phép can thiệp** vào những nhân quyền thuộc loại này, nếu sự can thiệp thuộc vào một trong ba điểm **X, Y, Z** dưới đây:

X. có căn bản pháp luật (*has its basis in law*)

Y. để đạt mục tiêu đề ra ngay trong điều luật. Thí dụ: để chống tội phạm, để bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ sức khoẻ (*is done to secure a permissible aim set out in the relevant article for example for the prevention of crime, or for the protection of public order or health*), và

Z. cần thiết trong một chế độ dân chủ để kiện toàn một nhu cầu xã hội, hay theo đuổi một mục tiêu chính đáng. Tuy nhiên, sự can thiệp theo khoản Z *phải tương xứng* (be proportionate) *với mục tiêu theo đuổi* (to the aims being pursued)

b). Học lý về sự tương xứng hay tỷ lệ tương xứng (Doctrine of Proportionality)

Thế nào là tương xứng?

Nguyên tắc tỷ lệ tương xứng đã được người viết đề cập đến trong một bài viết trước đây, khi bàn về **“Việc giải thích luật là nhiệm vụ của Tòa án chứ không phải là nhiệm vụ của Quốc Hội”**

Nguyên tắc tương xứng bắt nguồn từ luật của nước Đức, có tên là *Verhältnismässigkeit*, được du nhập vào luật lệ cộng đồng cùng với một số học lý của các quốc gia thành viên khác.

Theo nguyên tắc về tỷ lệ tương xứng thì nhà cầm quyền không được phép áp đặt những nghĩa vụ để ép buộc công dân phải tuân theo, trừ phi sự áp đặt nghĩa vụ này là nhằm theo đuổi một mục tiêu thật sự cần thiết cho lợi ích công cộng. Tuy nhiên, nếu gánh nặng áp đặt không tương xứng với mục tiêu theo đuổi thì biện pháp áp dụng phải bị hủy bỏ.

(According to the principle of proportionality, a public authority may not impose obligations on a citizen except to the extent to which they are strictly necessary in the public interest to attain the purpose of the measure. If the burdens imposed are clearly out of proportion to the object in view, the measure will be annulled.)

Điều này cho thấy có sự đòi hỏi phải có một mối tương quan hợp lý giữa *kết quả đạt được* và *phương pháp áp dụng*. (*This requires that there exist a reasonable relationship between the end and the means*)

Ba điểm **X, Y, Z** rất quan trọng vì chúng được dùng để trắc nghiệm xem sự can thiệp của nhà cầm quyền vào nhân quyền của công dân có được công ước nhân quyền cho phép hay không.

Trong ba điểm **X, Y, Z** thì điểm **Z** quan trọng hơn cả vì nó đòi hỏi biện pháp áp dụng của nhà cầm quyền phải tương xứng với mục tiêu theo đuổi.

Khi can thiệp vào nhân quyền của người dân, nhà cầm quyền phải hết sức thận trọng sao cho đạt được mục tiêu theo đuổi mà biện pháp áp dụng để đạt mục tiêu lại không độc đoán hay bất công” (*Any interference with a Convention right should be carefully designed to meet the objective in question and must not be arbitrary or unfair*). Nói cách khác cho dễ hiểu: “Nhà cầm quyền không được dùng cây búa tạ để đập vỡ một hạt dẻ” (*Public authorities must not use a sledgehammer to crack a nut*). Người Việt Nam chúng ta cũng có một câu ví tương tự: “Giết gà không thể dùng đến dao mổ trâu”

Học lý ‘tỷ lệ tương xứng’ rất quan trọng trong lãnh vực luật kinh tế khi chánh quyền can thiệp vào việc áp đặt các sắc thuế để hy vọng đạt được mục tiêu đề ra. Sau đây là một thí dụ điển hình của Tòa án nhân quyền Strasbourg về nguyên tắc tỷ lệ tương xứng, được áp dụng trong vụ ‘Sữa bột Skimmed Milk’

[Bela Muhle Josef Bergman v. Grows-Farm.. Case 114/76 (1977) ECK 1211; see also Case 116/76 and Cases 119, 120/76, at 1247 and 1269 respectively]

Trong nỗ lực làm giảm bớt sự thặng dư của sữa bột Skimmed Milk (đã loại bỏ chất kem trong sữa nước) Ủy Hội Âu châu ra quyết định cho các súc vật phải dùng Skimmed Milk để thay thế cho sữa đậu nành. Hậu quả của biện pháp này là sau một thời gian skimmed milk đắt gần gấp 3 sữa đậu nành. Tòa án nhân quyền Âu châu tuyên phán rằng quyết định của Ủy Hội bất hợp pháp, một phần vì nó chứng tỏ có sự kỳ thị, phần khác nó trái với nguyên tắc tương xứng khi bắt buộc những người nuôi gia súc phải mua sữa bột skimmed milk, không thực sự cần thiết, để làm giảm sự thặng dư của nó. *(The application of proportionality in such a situation as this is well illustrated by the Skimmed Milk Powder case where the Council had sought to reduce the surplus of skimmed-milk powder in the Community by forcing animal feed producers to incorporate it in their product in place of the normal protein element, soya. The drawback of this scheme was that skimmed-milk powder was approximately three times more expensive than soya. In consequence, the European Court held that the regulation embodying the scheme was invalid, partly because it was discriminatory, and partly because it offended against the principle of proportionality: the imposition of the obligation to purchase skimmed-milk powder was not necessary in order to diminish the surplus.)*

Đến đây, người viết xin bàn tới điểm chính của bài viết này.

Sau khi đơn bị bác một lần nữa vì Công tố viện Tòa án Hòa Lan không chịu truy tố can phạm hiếp dâm con gái mình, người cha của nạn nhân đã đệ đơn kiện Quốc Gia Hòa Lan trước Tòa án nhân quyền Âu châu với lý do Quốc Gia Hòa Lan đã ‘vi phạm cuộc sống riêng tư của con gái ông’. Vấn đề nêu lên ở đây là việc ‘Công tố viện không chịu truy tố can phạm’ có thể xem như CTV đã ‘vi phạm vào cuộc sống riêng tư’ của nạn nhân hay không? Để trả lời câu hỏi nêu trên, trước hết cần tìm hiểu những vấn đề sau: (1) Tiêu chuẩn hợp lệ của một đơn khiếu nại cá nhân trước tòa nhân quyền; (2) Ý nghĩa về “cuộc sống riêng tư” theo án lệ của Tòa nhân quyền Âu châu; và (3) Yếu tố vật chất của tội hiếp dâm và cuộc sống riêng tư (4). Việc giải quyết đơn khiếu nại của nạn nhân trước tòa nhân quyền.

B . TIEU CHUAN HOP LE CUA MOT DON KHIEU NAI CA NHAN TRUOC TOA AN NHAN QUYEN (Các điều 34, 35, 37 và 45 Công ước nhân quyền)

Có 4 điều khoản trong Công ước nhân quyền đều được sử dụng đến để xét đơn khiếu nại của một cá nhân trước Tòa án nhân quyền (TANQ).

. Tiêu chuẩn nhận đơn khiếu nại cá nhân theo điều 34 bản công ước. (Individual applications)
Tòa án nhân quyền Strasbourg có thể nhận đơn của mọi cá nhân, các tổ chức vô chính phủ, hay những nhóm cá nhân cho rằng mình là nạn nhân của một vi phạm nhân quyền ghi trong bản công ước hay trong Nghị định thư bởi một Quốc gia thành viên đã ký kết Công Ước.
(The Court may receive applications from any person, non-governmental organisation or group of individuals claiming to be the victim of a violation by one of the High Contracting Parties of the rights set forth in the Convention or the protocols thereto...).

. Tiêu chuẩn xét đơn cá nhân theo điều 35 (Admissibility criteria)

1. Tòa chỉ cứu xét đơn sau khi mọi thủ tục sửa sai trong nước đã mãn, theo quy tắc quốc tế được công nhận và trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định sau cùng.
2. Tòa sẽ không cứu xét những đơn nào đệ nạp theo điều 34, nếu
 - a) là đơn nặc danh,
 - b) là đơn đã được cứu xét trước đây hay đã được đệ nạp cho một tòa án quốc tế khác để điều tra hay giải quyết nhưng không tìm ra được những sự kiện mới.

3. Tòa tuyên bố bất khả chấp nhận, bất cứ đơn cá nhân nào đệ nạp theo điều 34 mà Tòa xét thấy *không phù hợp với những điều khoản* dự liệu của bản Công ước hay của Nghị định thư, không có căn bản vững chắc hay lạm dụng quyền.nạp đơn.
4. Tòa sẽ bác đơn nếu cho rằng đơn không phù hợp với những điều khoản dự liệu tại điều luật này. Tòa sẽ làm như vậy ở bất cứ giai đoạn nào của thủ tục.

(1. The Court may only deal with the matter after all domestic remedies have been exhausted, according to the generally recognised rules of international law, and within a period of six months from the date on which the final decision was taken.

2. The Court shall not deal with any application submitted under article 34 that

a is anonymous; or

b is substantially the same as a matter that has already been examined by the Court or has already been submitted to another procedure of international investigation or settlement and contains no relevant new information.

3. The Court shall declare inadmissible any individual application under article 34 which it considers incompatible with the provision of the Convention or the protocols thereto, manifestly ill-founded, or an abuse of the right of application.

4. The Court shall reject any application which it considers inadmissible under this article. It may do so at any stage of the proceedings)

. Loại bỏ đơn cá nhân trong bản danh sách các đơn khiếu nại, điều 37 (Striking out applications of the list of cases)

1. Ở bất cứ giai đoạn nào của thủ tục, Tòa có thể quyết định loại bỏ đơn khiếu nại ra khỏi danh sách nếu xảy ra trường hợp khiến tòa đi đến kết luận rằng:

a) nguyên đơn không còn giữ ý định theo đuổi vụ kiện nữa; hoặc

b) nội vụ đã được giải quyết; hoặc

c) Tòa có lý do để tin rằng việc tiếp tục cứu xét đơn khiếu nại không còn cần thiết nữa.

Tuy nhiên, *Tòa lại tiếp tục cứu xét vụ kiện nếu việc tôn trọng nhân quyền được quy định trong bản công ước và Nghị định thư đòi hỏi phải làm như vậy.*

2. Ở bất cứ giai đoạn nào của thủ tục, Tòa cũng có thể phục hồi đơn khiếu nại bằng cách tái ghi đơn vào bản danh sách các vụ án, nếu xét thấy việc phục hồi như vậy là chính đáng.

(1. The Court at any stage of the proceedings decide to strike an application out of its list of cases where the circumstances lead to the conclusion that

a) the applicant does not intend to pursue his application; or

b) the matter has been resolved; or

c) for any other reason established by the Court, it is no longer justified to continue the examination of the application.

However the Court shall continue the examination of the application if respect for human rights as defined in the Convention and the protocols thereto so required.

2. The Court may decide to restore an application to its list of cases if it considers that the circumstances justify such a course.)

. Quyết định và Phán quyết của Tòa phải nói rõ lý do, điều 45 (Reasons for judgments and decisions.

Điều 45 (1). Các quyết định cũng như phán quyết của tòa tuyên bố đơn khiếu nại của người đứng đơn được chấp thuận hay không được chấp thuận đều phải được viện dẫn lý do. *(Reasons shall be given for judgments as well as for decisions declaring applications admissible or inadmissible).*

Đến đây, ta xét đến điều luật do bên nguyên đơn viện dẫn, được dùng để khởi tố Quốc gia Hòa Lan trước Tòa án nhân quyền: “Quyền có cuộc sống riêng tư” bị vi phạm.

C. “QUYỀN CÓ CUỘC SỐNG RIÊNG TƯ” THEO GIẢI THÍCH CỦA TOA NHÂN QUYỀN ẬU CHẬU

Theo thủ tục của Tòa nhân quyền Ậu châu (điều 34 Công Ước nhân quyền) thì tòa chỉ nhận đơn khiếu nại nếu người đứng đơn là nạn nhân bị vi phạm vào điều khoản nhân quyền ghi trong công ước bởi một Quốc Gia thành viên của Cộng Đồng đã ký kết Công ước.

Như vậy, muốn biết đơn khiếu nại của nguyên đơn có hợp lệ không, ta cần tìm hiểu ý nghĩa của ‘quyền có cuộc sống riêng tư’ qua sự giải thích của tòa nhân quyền và định nghĩa của tội hiếp dâm..

1. ‘Quyền có cuộc sống riêng tư’ (Right to respect for private life)

Quyền có cuộc sống riêng tư là **một** trong **bốn** nhân quyền nằm trong điều 8 của bản công ước: quyền có cuộc sống riêng tư, cuộc sống gia đình, quyền được tôn trọng nhà ở và thư tín. Sau đây là nguyên văn điều 8.

Article 8. Right to respect for private and family life

- (1). Everyone has the right to respect for his *private* and *family* life, his *home* and his *correspondence*.
- (2). There shall be no interference by a public authority with the exercise of this right except such as is in accordance with the law and is necessary in a democratic society in the interests of national security, public safety or the economic well-being of the country, for the prevention of disorder of crime, for the protection of health or morals, or for the protection of the rights and freedom of others.

a). Quan niệm về ‘cuộc sống riêng tư’ theo Tòa án nhân quyền Ậu châu (The concept of respect for private life of Strasbourg)

Trong bản án Nicmictz k/ Quốc Gia Đức, Tòa án nhân quyền tuyên bố:

“Được xem như có sự giới hạn quá đáng cái khái niệm về cuộc sống riêng tư được đặt nằm ‘bên trong một vòng tròn’ mà trong đó cá nhân có một cuộc sống riêng tư, do mình lựa chọn, và từ đó cá nhân hoàn toàn xa lánh với cái thế giới ở bên ngoài vòng tròn. Tôn trọng cuộc sống riêng tư tới một mức độ nhất định nào đó, nhưng cũng vẫn cần phải phát triển quan hệ với những cá nhân khác”

(It would be too restrictive to limit the notion of private life to an ‘inner circle’ in which the individual may live his own personal life as he chooses and to exclude therefrom entirely the outside world not encompassed within that circle. Respect for private life must also comprise to a certain degree the right to establish and develop relationships with other human beings)

b). Quyền có cuộc sống riêng tư mang một ý nghĩa rất rộng. Một cách tổng quát, quyền có cuộc sống riêng tư có nghĩa là chúng ta có quyền sống một cuộc sống theo ý riêng của chúng ta một cách hợp lý, trong một xã hội dân chủ. Mặt khác, chúng ta cũng phải tôn trọng nhân quyền và sự tự do của người khác. Mọi sự can thiệp của chính quyền vào *thân thể* hay *lối sống* của chúng ta đều phải được biện minh. (Any interference with our body or the way we live needs to be justified).

Điều 8 là một thí dụ điển hình của loại *nhân quyền có điều kiện* trong bản Công Ước. Nhân quyền này được đặt nằm trong một cái khung mà mọi sự can thiệp của nhà cầm quyền vào bên trong cái khung ấy phải được xét xem có thể được chấp nhận hay không.

. **Quyền có cuộc sống riêng tư** còn bao gồm:

- việc tự do lựa chọn giới tính (nam hoặc nữ) cho mình.
(freedom to choose our sexual identity)

- việc tự do lựa chọn cách ăn mặc, dáng vẻ cho mình (freedom to choose how we look and dress)
- cơ quan truyền thông không được phiền nhiễu mình (freedom from intrusion by the media)

Quyền có cuộc sống riêng tư của chúng ta còn gồm cả quyền được biết tin tức về chúng ta như: lý lịch, hình ảnh, thư tín, nhật ký, hồ sơ y tế được giữ riêng và kín. Ngoại trừ trường hợp có lý do chính đáng, cơ quan công quyền không thể thu thập hay xử dụng những tài liệu này.

Điều 8 còn đặt ra giới hạn theo đó nhà cầm quyền không thể xâm nhập vào sự riêng tư của chúng ta nếu không được chúng ta chấp thuận. Thí dụ như việc lấy mẫu máu hay khám xét thân thể của chúng ta.

Trong một vài trường hợp, nhà cầm quyền còn có nghĩa vụ phải ngăn cản người khác can thiệp vào cuộc sống riêng tư của chúng ta. Thí dụ, đôi khi nhà cầm quyền được yêu cầu hành động để bảo vệ cá nhân trước nạn ô nhiễm, ảnh hưởng tai hại đến đời sống của chúng ta.

2. Tội hiếp dâm

Luật lệ về tội hiếp dâm không được qui định giống nhau giữa các quốc gia, tuy nhiên theo bộ luật hình của các nước thì tội danh này đều có một số yếu tố vật chất chung sau đây: Việc giao cấu do bị ép buộc, xử dụng bạo hành hay đe dọa xử dụng bạo hành

D. TOA NHAN QUYEN DA GIAI QUYET VU AN NHU THE NAO ?

Giải quyết vụ án có nghĩa là Tòa nhân quyền phải xét xem (1) *việc từ chối* không truy tố kẻ phạm pháp của Công tố viện Tòa án Hòa Lan có thực sự cấu thành sự vi phạm vào ‘*quyền có cuộc sống riêng tư*’ của nạn nhân hay không ?; và (2) nếu thấy quả có sự vi phạm thì điều luật hay nghị định thư nào trong bản công ước đã qui định như vậy?

1. Sự từ chối truy tố can phạm hiếp dâm của Biện lý Cuộc tòa Hòa Lan có cấu thành sự vi phạm nhân quyền của Quốc Gia Hòa Lan theo điều 8 bản Công ước không ?

Theo qui định của điều 35 khoản 3 của bản Công ước nhân quyền thì Tòa chỉ chấp đơn khiếu nại của nạn nhân nếu tội hiếp dâm phù hợp với ‘*cuộc sống riêng tư*’ của nạn nhân. Do đó, cần tìm hiểu xem giữa ‘*tội hiếp dâm*’ và ‘*cuộc sống riêng tư*’ có mối tương quan như thế nào, qua định nghĩa của tội hiếp dâm và ý nghĩa của cuộc sống riêng tư.

. ‘*Quyền có cuộc sống riêng tư*’, như đã trình bày ở trên, là một chuỗi những nhân quyền của người dân mà các cơ quan công quyền không được quyền can thiệp vào, nếu không có lý do chính đáng. Yếu tố vật chất của những nhân quyền này là: tự do lựa chọn giới tính, lý lịch, hình ảnh, thư tín, hồ sơ y tế của người dân mà nhà cầm quyền phải tôn trọng, không thể thu thập hay xử dụng bừa bãi.

. ‘*Tội hiếp dâm*’ có những yếu tố vật chất khác hẳn: không có sự đồng ý của nạn nhân và có yếu tố bạo hành.

So sánh hai định nghĩa nêu trên, người ta nhận thấy việc *không truy tố can phạm* của Biện lý cuộc tòa án Hòa Lan hoàn toàn không liên hệ gì đến ‘*quyền có đời sống riêng tư*’ của nạn nhân. *Đã không liên hệ lại còn không can thiệp vào* ‘*quyền có cuộc sống riêng tư*’ của nạn nhân thì làm sao Quốc Gia Hòa Lan lại có thể bị xem là vi phạm vào nhân quyền này của nạn nhân được?.

Như vậy, lẽ ra Tòa nhân quyền phải tuyên bố ‘lý do viện dẫn trong đơn khởi tố của nạn nhân về ‘*cuộc sống riêng tư*’ (theo điều 8) *không phù hợp* với điều 35 khoản 3 của bản Công ước nên Tòa nhân quyền không thể chấp nhận đơn khởi tố của nạn nhân, và bác đơn theo điều 35 khoản 4 mới hợp lý. Thế nhưng, theo điều 37 khoản 1c đoạn 2, tòa lại có thể tiếp tục xét đơn của nạn nhân vì nhận thấy quả thực có sự vi phạm nhân quyền của Quốc Gia Hòa Lan ở một điều luật hay nghị định thư trong bản công ước. Nếu vậy, Tòa nhân quyền phải nói rõ điều luật hay nghị định thư ấy bị vi phạm ấy là

điều luật hay nghị định thư nào, đồng thời cũng phải *nói rõ lý do* đưa đến quyết định tái cứu xét đơn khiếu nại của nạn nhân và *thông báo sự kiện mới này cho nạn nhân và Công tố viện Tòa Hòa Lan được rõ* theo điều 45 khoản 1.

Có vẻ như Tòa nhân quyền Âu châu đã không làm công việc này vì người cha của nạn nhân, khi thuật lại vụ án cho tác giả Paul Martin không nói rõ điều luật mà Công tố viện Hòa lan đã vi phạm là điều luật hay nghị định thư nào. Theo người viết thì trong bản công ước *không thấy có điều luật hay nghị định thư nào nói tới hoặc ám chỉ đến việc truy tố một can phạm can tội hiếp dâm nạn nhân mắc bệnh tâm thần cả*.

Đến đây, người viết xin có đôi điều về việc viện dẫn lý do trong các quyết định Hành chánh cũng như trong quyết định và phán quyết của **Tòa án Âu châu** (the European Court of Justice).

Cộng Đồng Âu châu có 4 loại tòa án: Tòa án Âu châu (the European Court of Justice), Tòa Sơ thẩm Âu châu (the Court of First Instance), Tòa nhân quyền Âu châu (the European Court of Human Rights) và Thẩm Kế Viện (the Court of Auditors).

Trước khi Tòa án Âu châu được thành lập, các Quốc Gia thành viên của Cộng đồng như Anh, Pháp Ý và Bỉ không đặt vấn đề viện dẫn lý do một cách tổng quát mà chỉ đòi hỏi phải viện dẫn lý do trong một số trường hợp nhất định. Riêng đối với hai quốc gia Đức và Hòa Lan thì việc viện dẫn lý do mang tính cách tổng quát và được qui định rõ ràng, nhưng chỉ đối với các hành vi hành chánh

(administrative acts) mà thôi. Trái lại, luật lệ Công đồng Âu châu đòi hỏi việc viện dẫn lý do, không những phải được áp dụng cho các quyết định hành chánh mà còn cho cả trong lãnh vực luật pháp nữa. Như vậy, việc viện dẫn lý do của Công Đồng Âu châu đã đi xa hơn cả hai nước Đức và Hòa Lan.

(It is interesting to note that there is no general obligation to give reasons in the law of most Members States (e.g England, France, Italy and Belgium) though in all these countries reasons must be given in certain cases. (In Germany and the Netherlands, on the other hand, there is a general obligation to give reasons for administrative acts). The Community provision is therefore different from the law of many Members States. It is particularly remarkable that the requirement of reasons applies not only to administrative acts, but also to legislation. Even in Germany and the Netherlands, the requirement of reasons does not extend this far.)

Trong bản án *Brennwein (Germany v. Commission, Case 24/62 (1963))* Tòa án Âu châu đã giải thích tại sao các quyết định hành chánh cũng như quyết định và phán quyết của Tòa án phải được dẫn lý như sau:

“ Khi buộc các quyết định của Ủy ban phải viện dẫn lý do, Tòa án Âu châu (ECJ) muốn tạo cho các tụng phương một cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình, cho tòa án một cơ hội để hành xử nhiệm vụ giám sát của mình, còn đối với các quốc gia thành viên và thuộc dân là để nhằm giúp họ hiểu rõ những trường hợp áp dụng Hiệp ước của Ủy Ban.”

(In imposing upon the Commission the obligation to state reasons for its decisions, the Court seeks to give an opportunity to the parties of defending their rights, to the Court of exercising its supervisory functions and to Members States and to all interested nationals of ascertaining the circumstances in which the Commission has applied the Treaty)

Như vậy, kể từ ngày bản án nói trên ra đời, các quốc gia thành viên của Cộng Đồng Âu châu bắt buộc phải nêu rõ lý do trong các quyết định hành chánh và tư pháp.

KET LUAN

Nếu không đưa ra được điều luật hay nghị định thư nào chứng tỏ rằng Quốc Gia Hòa Lan quả thực đã vi phạm vào một điều luật hay nghị định thư của bản công ước thì phán quyết của tòa khó có thể được chấp nhận trong lãnh vực trật tự công cộng vì phán quyết không căn cứ vào thực tại pháp, vi phạm vào điều 7 của luật nhân quyền: “*vô luật bất thành tội*” và một khi nó trở thành án lệ rồi, nó sẽ bị lạm dụng nhanh chóng.

Kết cuộc, giải pháp hữu lý hơn cả để giải quyết vụ án là ‘*tim hiểu ý định của nhà làm luật qua việc tham khảo biên bản thảo luận về tội hiếp dâm tại Quốc Hội Hòa Lan*’.